TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21/12/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Tua**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Em.**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Bùi Thị Mỹ Duyên** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Trung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HN&GĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Quang R**, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 22/09/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Trần Quang R tự nguyện thành hôn với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang R.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn ông Trần Quang R trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà là không hòa hợp, qua yêu cầu bà T ông đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giữa các đương sự là vợ chồng, về con chung không có, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Đối với bị đơn ông Trần Quang R có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Quang R và giành quyền kháng cáo cho ông theo luật định.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang R tự nguyện sống chung vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên bà T yêu cầu ly hôn. Vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang R: Tại phiên Tòa hôm nay bà T cho rằng đều tự nguyện sống chung vào năm năm 2016, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai cùng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông R tự nguyện sống chung vào năm 2016, tại thời điểm các bên sống chung như vợ chồng thì cả hai đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng các đương sự lại không đăng ký kết hôn nên khi phát sinh tranh chấp không được Tòa án công nhận giữa các đương sự là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 5, 28, 35, 147, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang R là vợ chồng.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 0013665 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đình Tiến